

Bản án số: **36/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 28 tháng 8 năm 2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Khánh.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Đức Hòa**.

2- Ông **Lê Chí Hưởng**.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Đặng Văn Kép, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B: Bà Lý Thế Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Tiền Thị Mai H** – sinh năm 1972.

Trú tại: số 73, hẻm 2, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

* *Bị đơn:* ông **Trần Minh P** – sinh năm 1971.

Trú tại: số 35/1, đường 3 tháng 2, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Tiền Thị Mai H, là nguyên đơn trình bày: Bà H và ông Trần Minh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/11/1994. Quá trình chung sống cách đây trên 16 năm bà H và ông P đã xảy ra mâu thuẫn do ông P thường xuyên bỏ nhà đi chơi nhiều ngày không chịu về nhà mà chỉ ra ngoài ngao du với bạn bè. Sau khi bà H sinh con thứ 02 là cháu Trần Gia H thì ông P cũng không hề chăm lo cho vợ con, không chăm lo cho kinh tế gia đình. Cách đây khoảng 16 năm thì ông P bỏ đi hẳn không chịu

về nhà, bà H phải một mình làm ăn nuôi con và chăm lo cho gia đình. Nay thấy rằng thời gian không chung sống đã lâu không thể đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin ly hôn với ông Trần Minh P. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 13/6/2001, hiện cháu đang sống chung với bà H, không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Trần Huyền T, sinh ngày 24/5/1996 đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không đặt ra yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì thêm.

* Tại bản tự khai đề ngày 13/4/2018, ông Trần Minh P, là bị đơn trình bày: năm 1994, ông P và bà H có tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nH không đạt nên bà H có yêu cầu xin ly hôn thì ông P cũng đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông P thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà H.

* *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh B P biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông P.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nH: bà H và ông P chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nH của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà H và ông P đều xác định quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nên từ 16 năm nay vợ chồng không còn chung sống. Nay bà H xin ly hôn thì ông P cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông P.

+ Về con chung: đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận về con chung của bà H và ông P. Giao cháu Trần Gia H cho bà H trực tiếp nuôi dạy. Đối với cháu Trần Huyền T đã đủ tuổi trưởng thành, bà H và ông P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

* Về mặt thủ tục tố tụng: bà H và ông P đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà H và ông P đều có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bà H, là nguyên đơn và ông P, là bị đơn là phù hợp.

* Về mặt nội dung:

- Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Mai H và ông Trần Minh P: bà H và ông P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/11/1994 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà H và ông P thống nhất xác định quá trình chung sống tuy thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng cách đây hơn 16 năm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly hôn từ cách đây 16 năm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông P, tại bản tự khai ngày 13/4/2018, ông P xác định ông đồng ý ly hôn với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian qua bà H và ông P sống ly hôn nhưng ông bà vẫn không có biện pháp khắc phục tình trạng trầm trọng trong mối quan hệ hôn nhân của ông bà để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, bền vững; cuộc sống chung giữa ông bà không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm xuất phát từ hai phía vợ và chồng nhưng hiện tại bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà cương quyết xin ly hôn và ông P cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông P là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về con chung: Căn cứ các chứng cứ liên quan như lời trình bày của các đương sự, giấy khai sinh thì có đủ cơ sở xác định cháu Trần Gia H, sinh ngày 13/6/2001 và cháu Trần Huyền T, sinh ngày 24/5/1996 là con chung của bà H và ông P. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi cháu H thì ông P cũng đồng ý. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà H và ông P là phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Mặt khác, hiện nay cháu H đang sống ổn định với bà H, để tránh xáo trộn tâm lý và điều kiện sinh hoạt, học tập của con chung nên việc giao cháu H cho bà H nuôi dạy là phù hợp, không trái đạo đức xã hội, cũng như không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tòa án không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu. Đối với cháu Trần Huyền T đã đủ tuổi trưởng thành, bà H và ông P không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Trần Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà H và ông P thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H và ông P thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, như đã trình bày ở trên là có cơ sở, phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận toàn bộ.

- Về án phí: Bà H là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- 1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tiền Thị Mai H và ông Trần Minh P.
 - 2/. Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 13/6/2001 cho bà H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu H đang sống chung với bà H. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.
 - Đối với cháu Trần Huyền T, sinh ngày 24/5/1996 đã đủ tuổi trưởng thành, bà H và ông P không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
 - Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.
 - 3/. Về tài sản chung: Bà H và ông P thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
 - 4/. Về nợ chung: bà H và ông P thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
 - 5/. Về án phí: Bà Tiền Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008105 ngày 11/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B được chuyển thu án phí.
- Án xử công khai, bà Tiền Thị Mai H và ông Trần Minh P vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND TP.B;
- THA TP.B;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Trần Duy Khánh